

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây

2. Ông Lê Quang Xệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị V, sinh năm 1985; thường trú: Thôn 17, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: Tổ 1, khu phố 1, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vi Văn T, sinh năm 1984; thường trú: Thôn 17, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: Nhà trọ V, Tổ 1A, khu phố 1, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nông Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị V và ông Vi Văn T tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức đám cưới năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Đắk Nông ngày 24/9/2009.

Thời gian đầu cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, lý do ông T không tôn trọng bà V và gia đình bà V, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Mỗi lần cãi nhau ông T thường đập phá đồ đạc trong nhà. Ông T còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và công khai đăng lên mạng xã hội, bà V không đồng ý thì ông T đánh nên bà V phải đến phòng trọ của bạn ở nhờ. Khi bà V ra ngoài sống với bạn, ông T nói các con gọi bà V về và hứa không đánh bà V nữa nhưng khi bà V quay về phòng trọ sống, ông T tiếp tục đánh bà V khi các con không có ở nhà. Ông T đi làm công nhân nhưng không mang tiền về nhà, bà V đi làm thì ông T thường xuyên gọi điện thoại để chửi và xúc phạm danh dự. Ông T còn dẫn người phụ nữ khác về phòng trọ ngủ chung trước mặt bà V và các con. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nông Thị V yêu cầu ly hôn với ông Vi Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng bà V có 03 con chung tên Vi Xuân Đ, sinh ngày 25/3/2004, Vi Xuân T1, sinh ngày 24/12/2008 và Vi Xuân G, sinh ngày 11/7/2011. Khi ly hôn, nếu các con có nguyện vọng ở với bà V thì bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Vi Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông T thống nhất với lời trình bày của bà V về thời gian kết hôn và thời gian sống chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi bà V lên Bình Dương làm việc, mỗi lần ông T gọi điện thoại bà V không nghe máy, khi bà V gọi lại thì nói sao ông T gọi nhiều thế. Tháng 6 năm 2020 ông T cũng lên Bình Dương làm công nhân, khi vợ chồng mâu thuẫn bà V bỏ ra ngoài ở cùng với bạn, ông T tìm đủ mọi cách nhưng bà V không về nên ông T có đánh bà V. Ông T đến công ty nơi bà V làm việc để đón nhưng bà V không về. Người phụ nữ ngủ cùng với ông T tại phòng trọ là người làm chung công ty với ông T. Khi ông T bị bệnh, bà V không về nên người phụ nữ này tới ở cùng để chăm sóc ông T. Theo ông T mâu thuẫn vợ chồng là do bà V lên Bình Dương làm việc thấy có những người đàn ông khác hơn chồng nên không muốn chung sống với chồng. Ông T còn tình cảm với bà V, vợ chồng đã có 03 con chung, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng không lớn nên không đồng ý ly hôn với bà Nông Thị V.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Vi Xuân Đ, sinh ngày 25/3/2004, Vi Xuân T1, sinh ngày 24/12/2008 và Vi Xuân G, sinh ngày 11/7/2011. Hiện tại cháu Vi Xuân Đ đang ở với ông Vi Văn T, còn cháu Vi Xuân T1 và Vi Xuân G đang ở quê. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vi Xuân Đ, để bà Nông Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Xuân T1 và Vi Xuân G, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T không đồng ý ly hôn, không muốn các con phải chia xa nên đề nghị Tòa án căn cứ vào

nguyện vọng của các con và quy định của pháp luật để giải quyết. Trường hợp các con có nguyện vọng ở với ông T thì việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do ông T, bà V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà V và ông T có tạo lập được tài sản chung, tuy nhiên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 25/02/2021, cháu Vi Xuân Đ, Vi Xuân T1 và Vi Xuân G trình bày nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn, các cháu muốn được sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nông Thị V và ông Vi Văn T là hôn nhân hợp pháp. Theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nông Thị V.

+ Về con chung: 03 cháu Vi Xuân Đ, sinh ngày 25/3/2004, Vi Xuân T1, sinh ngày 24/12/2008 và Vi Xuân G, sinh ngày 11/7/2011 đều có nguyện vọng được ở với bà V. Khi ly hôn bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Yêu cầu của bà V phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi Xuân Đ, cháu Vi Xuân T1 và cháu Vi Xuân G, phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Thị V và ông Vi Văn T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo lời trình bày của các đương sự và Biên bản xác minh ngày 14/01/2021 của Tòa án, bị đơn ông Vi Văn T có đăng ký tạm trú và hiện đang cư trú tại Nhà trọ V, Tổ 1A, khu phố 1, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp pháp cho bị đơn ông Vi Văn T các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại biên bản lấy lời khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nông Thị V vào ngày 25/02/2021, ông Vi Văn T có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự cùng những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt ông Vi Văn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị V và ông Vi Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà V và ông T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau, mâu thuẫn về mọi vấn đề trong sinh hoạt hàng ngày cũng như cách nuôi dạy con nên thường xuyên cãi, đánh nhau. Bà V và ông T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 14/01/2021, Ủy ban nhân dân phường H, thị xã TU không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa bà V và ông T vì không nhận được yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã hòa giải mong muốn bà V bỏ qua những mâu thuẫn tồn tại trong hôn nhân để đoàn tụ, hàn gắn gia đình cùng nhau nuôi dạy con, tuy nhiên bà V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông T đã tồn tại từ lâu, kéo dài tới nay nên không thể hàn gắn, không thể chung sống hạnh phúc và giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nông Thị V và ông Vi Văn T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nông Thị V yêu cầu ly hôn ông Vi Văn T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà V và ông T có 03 con chung tên Vi Xuân Đ, sinh ngày 25/3/2004, Vi Xuân T1, sinh ngày 24/12/2008 và Vi Xuân G, sinh ngày 11/7/2011. Xét thấy mức lương, thu nhập hiện tại của bà V và ông T đều đủ khả năng chăm lo về mặt vật chất và nuôi dưỡng các con ăn học. Bà V và ông T đều yêu thương con, đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hiện nay các con của bà V, ông T đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai ngày 25/01/2021, 03 người con đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Vi Xuân Đ, Vi Xuân T1 và Vi Xuân G không trái đạo Đ xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà V và ông T đều không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Nông Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị V với bị đơn ông Vi Văn T về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị V được ly hôn với ông Vi Văn T.

1.2 Về việc nuôi con chung: Bà Nông Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Vi Xuân Đ, sinh ngày 25/3/2004, Vi Xuân T1, sinh ngày 24/12/2008 và Vi Xuân G, sinh ngày 11/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Vi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nông Thị V và ông Vi Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3 Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nông Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052137, ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nông Thị V có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Vi Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND xã D, huyện C, tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký**

Đỗ Thị Lan Hương